Chi tiết mã HS 8417.10.00

Mã HS	8417.10.00
Mô tả hàng hóa	Lò luyện, nung và lò dùng trong công nghiệp hoặc trong phòng thí nghiệm, kể cả lò thiêu, không dùng điện / - Lò luyện, nung và lò dùng để nung, nấu chảy hoặc xử lý nhiệt các loại quặng, quặng pirit hoặc kim loại
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:49:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84171000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13325
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13325
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13325
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12612
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12555
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12555
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12555
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12555
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12555
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12555
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12609
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12609
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12609
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12609
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12609
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12610
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12610
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12610
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12610
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12610
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12610
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12611
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12561
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12567
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12567
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12567
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12567
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12567
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12567
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12600
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12600
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12600
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12600
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12600
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12600
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12647
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12647
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12647
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12647
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12647
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12632
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12632
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12632
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12632
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12632
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12632
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12632
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12632
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12632
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12632
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12632
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12632
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12647
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12647
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12647
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12647
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12647
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12647
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12646
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12646
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12646
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12646

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12646
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12646
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12626
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12626
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12626
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12626
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12626
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12626
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12626
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12634
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12634
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12634
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12634
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12634
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12634
RCEP B	2022	2022	0	B!D12634
RCEP B	2023	2023	0	B!E12634
RCEP B	2024	2024	0	B!F12634
RCEP B	2025	2025	0	B!G12634
RCEP B	2026	2026	0	B!H12634
RCEP B	2027	2027	0	B!I12634
RCEP C	2022	2022	0	C!D12634
RCEP C	2023	2023	0	C!E12634
RCEP C	2024	2024	0	C!F12634
RCEP C	2025	2025	0	C!G12634
RCEP C	2026	2026	0	C!H12634

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12634
RCEP D	2022	2022	0	D!D12633
RCEP D	2023	2023	0	D!E12633
RCEP D	2024	2024	0	D!F12633
RCEP D	2025	2025	0	D!G12633
RCEP D	2026	2026	0	D!H12633
RCEP D	2027	2027	0	D!I12633
RCEP E	2022	2022	0	E!D12637
RCEP E	2023	2023	0	E!E12637
RCEP E	2024	2024	0	E!F12637
RCEP E	2025	2025	0	E!G12637
RCEP E	2026	2026	0	E!H12637
RCEP E	2027	2027	0	E!I12637
RCEP F	2022	2022	0	F!D12634
RCEP F	2023	2023	0	F!E12634
RCEP F	2024	2024	0	F!F12634
RCEP F	2025	2025	0	F!G12634
RCEP F	2026	2026	0	F!H12634
RCEP F	2027	2027	0	F!I12634
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11701
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11701
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11701
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11701

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8417.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8417.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13325), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.